

Số: /BC-SCT

Bắc Giang, ngày tháng 8 năm 2020

BÁO CÁO

Đánh giá tình hình thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm, giai đoạn 2016-2020 ngành Công Thương

Thực hiện Công văn số 4786/BCT-KH ngày 02/7/2020 của Bộ Công Thương về việc triển khai xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn 2021-2025, Sở Công Thương Bắc Giang báo cáo nội dung cụ thể như sau:

PHẦN I

ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH THỰC HIỆN KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI 5 NĂM 2016-2020

I. Bối cảnh thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế-xã hội 5 năm 2016-2020

Thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh Bắc Giang lần thứ XVIII và Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2016-2020 trong điều kiện có nhiều thuận lợi song cũng không ít khó khăn, thách thức: Năm 2016, năm đầu triển khai thực hiện Nghị quyết trong khi tăng trưởng kinh tế cả nước thấp hơn so với dự báo, sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp chưa có chuyển biến rõ rệt, tình hình thời tiết diễn biến bất thường, việc huy động các nguồn lực cho đầu tư phát triển gặp nhiều khó khăn... Từ năm 2017, tình hình đã có những chuyển biến tích cực, tạo thuận lợi cho phát triển kinh tế - xã hội. Đến cuối năm 2019 và đầu năm 2020, dịch tả lợn Châu phi trên đàn lợn và dịch Covid - 19 trên người ảnh hưởng không nhỏ đến sản xuất kinh doanh và đời sống của nhân dân.

Với sự nỗ lực, tinh thần quyết tâm đổi mới, sáng tạo, chủ động, linh hoạt, quyết liệt trong chỉ đạo điều hành. Cùng với sự tập trung lãnh đạo, chỉ đạo, giám sát của Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh Bắc Giang đã triển khai toàn diện, đồng bộ, quyết liệt các nhiệm vụ, giải pháp thực hiện Kế hoạch phát triển KT-XH, cùng với các đoàn thể chính trị, xã hội; sự nỗ lực, cố gắng của cộng đồng doanh nghiệp, nhân dân và các lực lượng vũ trang trong tỉnh, kinh tế - xã hội của tỉnh đã đạt được kết quả khá toàn diện, nổi bật trên hầu hết các lĩnh vực, do vậy tình hình KT-XH của tỉnh đạt được nhiều kết quả nổi bật, toàn diện; hầu hết các chỉ tiêu chủ yếu đều đạt và vượt kế hoạch, đời sống nhân dân ổn định, từng bước được nâng lên; quốc phòng, an ninh được đảm bảo.

II. Kết quả đạt được và những hạn chế:

1. Tham mưu, ban hành cơ chế chính sách

Công tác tham mưu xây dựng các cơ chế chính sách phát triển công nghiệp và thương mại luôn được ngành Công Thương đặc biệt quan tâm, ưu tiên và chú trọng hàng đầu. Sở Công Thương Bắc Giang đã tham mưu trình UBND tỉnh ban hành các cơ chế, chính sách nhằm thu hút đầu tư, phát triển công nghiệp trên địa bàn tỉnh như:

- Quy hoạch phát triển các cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh Bắc Giang đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030 được Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt; Quy chế phối hợp quản lý cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh Bắc Giang được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 28/2018/QĐ-UBND ngày 26/10/2018.

- Kế hoạch số 54 - KH/TU ngày 09/10/2018 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về Chiến lược phát triển công nghiệp tỉnh Bắc Giang đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2035;

- Kế hoạch số 259/KH-UBND ngày 30/11/2018 của UBND tỉnh triển khai thực hiện Kế hoạch số 54-KH/TU ngày 09/10/2018 của BTV Tỉnh ủy về Chiến lược phát triển công nghiệp tỉnh Bắc Giang đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2035;

- Quy hoạch phát triển điện lực tỉnh Bắc Giang giai đoạn 2016-2025, có xét đến 2035 - Hợp phần I; Quy hoạch hệ thống điện 110kV được Bộ Công Thương phê duyệt tại Quyết định số 3870/QĐ-BCT ngày 09/10/2017.

- Trình UBND tỉnh ban hành Bộ tiêu chí nông sản hàng hóa cấp tỉnh, giai đoạn 2017 - 2020 (Quyết định số 730/QĐ-UBND ngày 27/10/2017); Quyết định số 1517/QĐ-UBND ngày 31/8/2017 phê duyệt danh mục các sản phẩm nông sản chủ lực, đặc trưng, tiềm năng tỉnh Bắc Giang năm 2017;

- Quy định phân cấp quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm thuộc trách nhiệm quản lý của ngành Công Thương trên địa bàn tỉnh Bắc Giang (Quyết định số 37/2017/QĐ-UBND ngày 15/11/2017);

- Quy chế trách nhiệm và quan hệ phối hợp trong công tác đấu tranh phòng, chống buôn lậu, gian lận thương mại và hàng giả trên địa bàn tỉnh Bắc Giang.

- Tham mưu Quyết định số 2005/QĐ-UBND ngày 28/11/2019 của UBND tỉnh phê duyệt "Danh mục dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước thuộc lĩnh vực Công Thương";

- Tham mưu xây dựng kế hoạch kinh phí khuyến công quốc gia 2019, được Bộ trưởng Bộ Công Thương phê duyệt tại Quyết định số 4796/QĐ-BCT ngày 24/12/2018; Quyết định 1871/QĐ-BCT ngày 27/06/2019 về việc ngừng, điều chỉnh, bổ sung kế hoạch kinh phí khuyến công quốc gia năm 2019.

- Tham mưu xây dựng kế hoạch sử dụng kinh phí khuyến công tỉnh Bắc Giang, được Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 270/QĐ-UBND ngày 18/02/2019; Quyết định số 1696/QĐ-UBND ngày 16/10/2019 về việc phê duyệt điều chỉnh Kế hoạch sử dụng kinh phí khuyến công năm 2019.

- Tham mưu xây dựng Chương trình xúc tiến thương mại tỉnh Bắc Giang năm 2019, được Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 269/QĐ-UBND

ngày 18/02/2019; Quyết định số 1695/QĐ-UBND ngày 16/10/2019 về việc phê duyệt điều chỉnh chương trình xúc tiến thương mại năm 2019.

- Xây dựng trình UBND tỉnh ban hành Quyết định số 97/QĐ-UBND ngày 22/01/2019 về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính trong lĩnh vực an toàn thực phẩm thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Công Thương; Quyết định số 980/QĐ-UBND ngày 21/6/2019 công bố Danh mục thủ tục hành chính mới ban hành/bị bãi bỏ trong lĩnh vực quản lý an toàn đập, hồ chứa thủy điện thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Công Thương tỉnh Bắc Giang.

- Tham mưu xây dựng trình UBND tỉnh ban hành Kế hoạch số 1438/KH-UBND ngày 03/5/2019 của UBND tỉnh Bắc Giang về việc tổ chức Hội nghị, Diễn đàn ở trong nước, nước ngoài và các hoạt động xúc tiến tiêu thụ vải thiều, quảng bá các sản phẩm văn hóa, du lịch, nông sản năm 2019;

- Tham mưu xây dựng Quyết định sửa đổi, bổ sung Quy định quản lý và sử dụng kinh phí khuyến công tỉnh Bắc Giang ban hành kèm theo Quyết định số 734/2014/QĐ-UBND ngày 28/10/2014 của UBND tỉnh Bắc Giang;

- Tham mưu xây dựng Quyết định số 1732/QĐ-UBND ngày 21/10/2019 của UBND tỉnh Bắc Giang về việc phê duyệt Đề án Tổ chức gian hàng giới thiệu và bán sản phẩm nông sản chủ lực, đặc trưng và tiềm năng của tỉnh Bắc Giang tại thành phố Hà Nội, giai đoạn 2019-2020.

- Xây dựng bộ tài liệu tổng hợp giới thiệu, quảng bá tiềm năng tỉnh Bắc Giang (có cả đĩa hình DVD), giới thiệu các lợi thế, tiềm năng, định hướng phát triển trên các lĩnh vực công nghiệp, nông nghiệp và du lịch của tỉnh Bắc Giang bằng 5 thứ tiếng: Tiếng Việt, Anh, Trung, Nhật và Hàn Quốc.

- Quyết định số 27/2019/QĐ-UBND ngày 09/12/2019 của UBND tỉnh bãi bỏ Quyết định số 147/2009/QĐ-UBND ngày 31/12/2009 ban hành Quy định hoạt động sản xuất gạch, ngói thủ công trên địa bàn tỉnh Bắc Giang;

- Quyết định số 928/QĐ-UBND ngày 04/12/2019 của UBND tỉnh ban hành Quy trình thực hiện liên thông các thủ tục hành chính cấp điện qua lưới trung áp trên địa bàn tỉnh Bắc Giang.

- Kế hoạch số 2455/KH-UBND ngày 12/7/2019 và tổ chức triển khai bình chọn sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu tỉnh Bắc Giang năm 2019.

- Xây dựng quy hoạch ngành công thương giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến 2050 trình UBND tỉnh và Thường trực Tỉnh ủy đề làm cơ sở tích hợp vào quy hoạch tỉnh.

2. Lĩnh vực công nghiệp

Ngành công nghiệp phát triển mạnh mẽ, là động lực chính cho tăng trưởng và chuyển dịch cơ cấu kinh tế. Tăng trưởng GRDP có xu hướng tăng đều, năm sau cao hơn năm trước, bình quân đạt 23,3%/năm, vượt mục tiêu đề ra và cao hơn bình quân giai đoạn 2011-2015. (Trong đó mục tiêu tăng trưởng giai đoạn 2016-2020 đạt 15,5-16%; Bình quân giai đoạn 2011-2015 đạt 19,1%/năm). Số lượng doanh nghiệp sản xuất công nghiệp tăng cao cả về số lượng và quy mô. Toàn tỉnh có

19.247 cơ sở sản xuất công nghiệp, tăng 2.073 cơ sở so với năm 2015; trong đó, có 1.320 doanh nghiệp, tăng 906 doanh nghiệp.

Công nghiệp được phát triển tập trung tại các KCN chủ yếu trên địa bàn các huyện huyện Việt Yên, Yên Dũng, Hiệp Hòa. Trong khi đó các cụm công nghiệp được quy hoạch, triển khai tại các trục, tuyến giao thông thuận lợi của tỉnh, trong đó, huyện Hiệp Hòa (8 CCN, diện tích 443,9ha), huyện Lạng Giang (7 CCN, diện tích 244ha), huyện Yên Dũng (4 CCN, diện tích 193,4ha), huyện Lục Nam (4 CCN, diện tích 185,6ha). Diện tích quy hoạch CCN của các địa phương này chiếm tới 77,1% tổng diện tích quy hoạch các CCN toàn tỉnh.

Quy mô giá trị sản xuất (*giá hiện hành*) năm 2020 ước đạt trên 268 nghìn tỷ đồng. Khu vực FDI chiếm tỷ trọng chi phối trong cơ cấu giá trị sản xuất công nghiệp và tiếp tục có xu hướng tăng; ước năm 2020 chiếm 86,1%, tăng 18,2% so với năm 2015; trong khi khu vực ngoài quốc doanh và khu vực nhà nước chiếm tỷ trọng ngày càng giảm, chiếm gần 14%. (Năm 2015, khu vực FDI chiếm 67,2%, khu vực nhà nước chiếm 7,9%, khu vực ngoài quốc doanh chiếm 24,9%)

Tái cơ cấu ngành công nghiệp đạt được kết quả quan trọng, tỷ trọng ngành công nghiệp chế biến, chế tạo tiếp tục tăng mạnh, năm 2019 chiếm 97,6%, tăng 2,2% so với năm 2015; các ngành còn lại chiếm tỷ trọng nhỏ và có xu hướng giảm, ngành sản xuất và phân phối điện chiếm 1,2%, ngành công nghiệp khai thác đạt chiếm 1%, ngành khai thác, cung cấp nước chiếm 0,2%. Công nghiệp hỗ trợ đã có bước phát triển đáng kể; tỉnh đã thu hút được một số dự án sản xuất công nghiệp phụ trợ, sản xuất sản phẩm mới như Pin năng lượng mặt trời, điện tử, cơ khí...góp phần chuyển dịch cơ cấu sản xuất ngành công nghiệp trong giai đoạn tới. Các sản phẩm điện tử, máy tính và phụ kiện, may mặc vẫn là những sản phẩm chủ lực, chiếm tỷ trọng lớn trong cơ cấu giá trị sản xuất.

Tiểu thủ công nghiệp được duy trì và phát triển khá tốt. Các làng nghề ngày càng được quan tâm tạo điều kiện cải tạo nâng cấp, đã đầu tư các CCN làng nghề đảm bảo điều kiện về hạ tầng. Toàn tỉnh hiện có 39 làng nghề đạt tiêu chí, trong đó có 14 làng nghề truyền thống và 25 làng nghề mới được công nhận; trong đó có 36/39 làng nghề đang hoạt động khá hiệu quả. Giá trị sản xuất của các làng nghề hàng năm đạt khoảng 850 tỷ đồng. Một số làng nghề vẫn duy trì phát triển mạnh như: làng nghề mỳ Chũ, xã Nam Dương, huyện Lục Ngạn; làng nghề sản xuất mỳ gạo Châu Sơn, xã Ngọc Châu, huyện Tân Yên; làng nghề sản xuất bún, bánh Đa Mai, Phường Đa Mai, TP. Bắc Giang; làng nghề mộc Bãi Ổi, xã Đình Trì, TP. Bắc Giang; làng nghề rượu Làng Vân, xã Vân Hà, huyện Việt Yên...

Phát triển công nghiệp gắn với việc thực hiện Kế hoạch số 54-KH/TU ngày 09/10/2018 của BTV Tỉnh ủy:

Sở Công Thương đã phối hợp chặt chẽ với Sở Kế hoạch và Đầu tư, UBND huyện/Thành phố và các sở, ngành liên quan rà soát, xem xét và lựa chọn, chấp thuận dự án đầu tư vào các CCN đảm bảo theo đúng Kế hoạch.

- *Ngành công nghiệp cơ khí:* Tập trung vào 03 lĩnh vực chính gồm: Sản xuất, lắp ráp thiết bị, máy móc, công cụ và phụ tùng phục vụ các ngành dệt may, da giày, chế biến gỗ, chế biến thực phẩm.

- *Ngành công nghiệp điện tử*: Hướng tới mục tiêu xuất khẩu và tham gia chuỗi giá trị toàn cầu với các sản phẩm gồm: Máy tính và các thiết bị ngoại vi, linh kiện bán dẫn, linh kiện điện tử các loại cho các thiết bị điện tử gia dụng...tập trung ở các KCN, CCN tại các huyện Việt Yên, Hiệp Hòa, Yên Dũng và thành phố Bắc Giang.

- *Công nghiệp chế biến nông lâm sản*: Ưu tiên phát triển, tập trung thu hút các dự án sản xuất các sản phẩm chế biến hướng đến xuất khẩu (*chế biến gỗ, chế biến rau, quả xuất khẩu*), đảm bảo các tiêu chuẩn quốc tế về an toàn vệ sinh thực phẩm; tập trung ở các huyện Lục Ngạn, Lục Nam, Hiệp Hòa.

- *Ngành công nghiệp dệt may*: Các doanh nghiệp sản xuất công nghiệp phụ trợ cho ngành dệt; tạo ra chuỗi giá trị trong sản xuất; từng bước khắc phục tình trạng phụ thuộc nguyên, phụ liệu nhập khẩu, đáp ứng yêu cầu tham gia hiệp định CPTPP. Tập trung tại các khu, cụm công nghiệp.

- *Công nghiệp sản xuất điện*: Mở rộng nhà máy nhiệt điện Sơn Động (từ 100MW lên 200MW); xây dựng nhà máy nhiệt điện An Khánh công suất 650MW; ưu tiên xây dựng Nhà máy Điện Pin năng lượng mặt trời tại huyện Yên Thế; Điện gió tại huyện Sơn Động; tiếp tục kêu gọi các dự án sản xuất Pin năng lượng mặt trời tại các khu công nghiệp, gắn với việc xử lý môi trường.

Về đầu tư hạ tầng các CCN

Tính đến tháng 12/2015, tỉnh Bắc Giang có 27 CCN được thành lập với tổng diện tích 581,8 ha. Đến nay, trên địa bàn tỉnh có 40 CCN được thành lập, 23/40 CCN có chủ đầu tư kinh doanh hạ tầng là doanh nghiệp, tổng diện tích 40 CCN là 1.384,3 ha, diện tích đất công nghiệp là 952,9 ha; tỷ lệ lấp đầy bình quân các CCN trên địa bàn tỉnh là 66%. Trong 40 CCN đã thành lập có 09 CCN đã có hệ thống xử lý nước thải tập trung, 03 CCN đang xây dựng.

Các CCN mới được thành lập từ năm 2015 đến nay chủ yếu do doanh nghiệp làm chủ đầu tư kinh doanh hạ tầng, là những doanh nghiệp có tiềm lực kinh tế mạnh, các dự án đầu tư vào các CCN được triển khai nhanh chóng, thuộc các lĩnh vực ưu tiên thu hút đầu tư của tỉnh, góp phần giải quyết nhu cầu lao động của nhân dân trên địa bàn. Công tác quy hoạch và quản lý thực hiện quy hoạch CCN cơ bản đáp ứng yêu cầu thực tế trong từng giai đoạn, hình thành hệ thống mạng lưới liên kết các CCN; các vị trí quy hoạch thuận lợi và từng bước liên thông về hạ tầng chung; hoạt động các CCN phục vụ sự phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh; tạo được sự đồng thuận trong nhân dân và các cấp ủy, chính quyền; hướng tới mục tiêu sử dụng tiết kiệm và hiệu quả các nguồn lực, tài nguyên của địa phương.

Trong tổng số 40 CCN có 17 CCN do UBND cấp huyện làm chủ đầu tư hiện đã lấp đầy, hạ tầng cần hoàn thiện là giao thông nội bộ và hệ thống xử lý nước thải tập trung. Việc đầu tư là rất khó khăn vì không có nguồn vốn từ ngân sách; 23 CCN do các chủ đầu tư hạ tầng CCN là doanh nghiệp đều đang tiến hành đầu tư. Giai đoạn 2015-2020 có tổng số 21 CCN được đầu tư xây dựng hạ tầng, tổng kinh phí từ ngân sách trung ương và DN đầu tư kinh doanh hạ tầng CCN đã đầu tư là 5.731 tỷ đồng, trong đó: 01 CCN Đại Lâm được ngân sách trung ương hỗ trợ đầu tư 33 tỷ đồng; 20 CCN được các DN đầu tư 5.698 tỷ đồng.

Do đặc điểm cụm công nghiệp nhỏ, chủ yếu nhằm di dời các cơ sở sản xuất có nguy cơ gây ô nhiễm nằm ở các khu đông dân cư và thu hút một số doanh nghiệp vừa và nhỏ dịch chuyển về khu vực nông thôn để giải quyết việc làm tại chỗ, tận dụng được hạ tầng chung về xã hội.

Việc lựa chọn các nhà đầu tư thứ cấp trong các CCN cơ bản đã được thực hiện đúng theo quy định của Luật Đầu tư. Đến nay, các CCN đã thu hút 226 dự án đang triển khai và đi vào hoạt động; vốn đầu tư thực hiện ước đạt 10.237 tỷ đồng; giải quyết việc làm cho khoảng 48.000 lao động với thu nhập trung bình từ 4,5-5,5 triệu đồng/người/tháng. Hiệu quả vốn đầu tư (bao gồm cả đầu tư hạ tầng và dự án thứ cấp đến nay đã thực hiện là 11.218 tỷ đồng) đạt 9,2 tỷ đồng/ha.

Hoạt động quản lý năng lượng

Chủ trì phối hợp với các Sở, ban, ngành, các cơ quan liên quan, UBND các huyện, thành phố làm tốt một số nội dung: tăng cường công tác quản lý Quy hoạch; quản lý việc đầu tư theo Quy hoạch đảm bảo cấp điện kịp thời cho các khu, cụm công nghiệp, các Trung tâm huyện thị; tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra và giám sát các đơn vị, cá nhân hoạt động điện lực và sử dụng điện trên địa bàn tỉnh, phát hiện, ngăn chặn và xử lý kịp thời các trường hợp vi phạm theo đúng quy định của pháp luật.

Tham mưu giải quyết vi phạm hành lang an toàn lưới điện cao áp, thực hiện kiểm tra thực tế các điểm vi phạm, tổ chức họp bàn đưa ra phương án giải quyết giữa địa phương và các sở ngành có liên quan; phối hợp với Công ty Điện lực Bắc Giang tổ chức khảo sát và triển khai Chương trình tiết kiệm năng lượng, điều chỉnh phụ tải điện (DR) đối với các doanh nghiệp lớn trong các KCN trên địa bàn tỉnh.

Hưởng ứng Chiến dịch Giờ trái đất hàng năm, Sở Công Thương phối hợp với Tỉnh đoàn Bắc Giang, Công ty Điện lực Bắc Giang...tổ chức mít tinh phát động hưởng ứng Sự kiện Giờ trái đất đạt hiệu quả thiết thực.

Về hạ tầng điện

- Nhà máy nhiệt điện (NMNĐ) Sơn Động, công suất 2x110MW, đầu nối và phát toàn bộ công suất lên lưới điện 220kV tỉnh Quảng Ninh qua các tuyến dây 220kV Sơn Động - Hoàn Bồ và Sơn Động - Tràng Bạch.

- NMNĐ của Công ty TNHH MTV Phân đạm và Hóa chất Hà Bắc công suất 72MW (gồm 06 tổ máy - 4x15+2x6MW) chủ yếu cấp cho hoạt động sản xuất phân đạm của Công ty, khi dư thừa sẽ phát lên lưới điện 35kV của tỉnh Bắc Giang.

Về trạm biến áp 500kV

Tỉnh Bắc Giang có 01 trạm biến áp 500/220/110kV Hiệp Hòa, công suất 2x900MVA. Trạm 500kV Hiệp Hòa nhận điện từ Nhà máy thủy điện Sơn La qua đường dây mạch kép NMTĐ Sơn La - Hiệp Hòa, dây dẫn ACSR-4x400, chiều dài 264,7km và NMNĐ Quảng Ninh qua đường dây 500kV mạch kép NMNĐ Quảng Ninh - Hiệp Hòa, dây dẫn ACSR-4x330, chiều dài 139km.

Về trạm biến áp 220kV

Trạm Bắc Giang công suất 2x250MVA, điện áp 220/110/22kV, đặt tại Thành phố Bắc Giang, công suất tải lớn nhất của trạm là $P_{max} = 386\text{MW}$, mức mang tải là 77,8%; Trạm Hiệp Hòa (Nối cấp trong trạm 500kV Hiệp Hòa), công suất 2x250MVA, điện áp 220/110/22kV. Trạm 220kV Hiệp Hòa khởi công xây dựng ngày 29/10/2014, đóng điện tháng 9/2015, công suất tải lớn nhất của trạm là $P_{max} = 285\text{MW}$, mức mang tải là 57,5%; Trạm Quang Châu, công suất 1x250MVA, điện áp 220/110/22kV, đặt tại huyện Việt Yên. Trạm được đưa vào vận hành tháng 01/2019, công suất tải lớn nhất của trạm là $P_{max} = 189\text{MW}$, mức mang tải là 75%.

Về trạm biến áp 110kV

Hiện nay, tổng số trạm biến áp 110kV trên địa bàn tỉnh Bắc Giang có 13 trạm/23 máy với tổng dung lượng 1097MVA, công suất sử dụng $P_{max} = 690\text{MW}$. Hệ số mang tải chung max các TBA 110kV đạt 65,52%.

3. Lĩnh vực thương mại, dịch vụ

Nhằm đẩy mạnh phát triển hạ tầng thương mại trên địa bàn tỉnh Bắc Giang, Sở Công Thương đã phối hợp với các Sở, ngành liên quan và UBND các huyện, thành phố tham mưu cho UBND tỉnh xây dựng và triển khai thực hiện nhiều dự án quy hoạch phát triển hạ tầng thương mại: Quy hoạch tổng thể phát triển thương mại trên địa bàn tỉnh Bắc Giang đến năm 2020 và định hướng đến năm 2025; Quy hoạch phát triển hạ tầng thương mại nông thôn tỉnh Bắc Giang đến năm 2020; Điều chỉnh, bổ sung Quy hoạch mạng lưới chợ, trung tâm thương mại và siêu thị tỉnh Bắc Giang đến năm 2020, được phê duyệt tại các văn bản: Quyết định số 513/QĐ-UBND ngày 30/12/2011, Quyết định số 1172/QĐ-UBND ngày 26/7/2013, Quyết định số 460/QĐ-UBND ngày 18/7/2014, Quyết định số 143/QĐ-UBND ngày 21/4/2015, Quyết định số 542/QĐ-UBND ngày 19/9/2016, Quyết định số 460/QĐ-UBND ngày 07/8/2018; Quy hoạch mạng lưới kinh doanh khí dầu mỏ hóa lỏng (LPG) tỉnh Bắc Giang đến năm 2020; Điều chỉnh, bổ sung Quy hoạch mạng lưới kinh doanh xăng dầu tỉnh Bắc Giang đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2025...Đang xây dựng Quy hoạch ngành công thương để tích hợp vào Quy hoạch tỉnh thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050.

Về dịch vụ

Ngành dịch vụ mặc dù chưa có đột phá trong phát triển song vẫn duy trì được tốc độ phát triển ổn định, các ngành dịch vụ chiếm tỷ trọng lớn như bán buôn, bán lẻ, sửa chữa ô tô, mô tô, xe máy, vận tải, kho bãi... vẫn duy trì được tốc độ tăng trưởng khá, một số ngành dịch vụ có giá trị gia tăng cao như kinh doanh bất động sản, thông tin truyền thông, ngân hàng, tài chính có tốc độ tăng trưởng khá cao và đang chiếm tỷ trọng ngày càng lớn trong cơ cấu ngành.

Tốc độ tăng trưởng GRDP ngành bình quân giai đoạn 2016-2020 ước đạt 7,6%/năm (mục tiêu 8,5-9%/năm); giá trị sản xuất ngành dịch vụ năm 2019 đạt trên 24.600 tỷ đồng, năm 2020 ước đạt trên 26.700 tỷ đồng (giá 2010), tốc độ tăng bình quân giai đoạn 2016-2020 đạt 8,6%/năm. Ngành dịch vụ tiếp tục phát triển theo hướng đa dạng hóa các loại hình dịch vụ trong đó các loại hình dịch vụ ngân hàng,

vận tải, viễn thông, thông tin liên lạc... phát triển nhanh cả về số lượng và chất lượng. Cơ cấu nhìn chung chuyển dịch theo hướng tích cực, song tốc độ chưa cao.

Tổng mức bán lẻ hàng hoá và dịch vụ tăng đều qua từng năm, từ 19.559 tỷ đồng (năm 2016) tăng lên 29.500 tỷ đồng (năm 2019) và ước năm 2020 đạt 32.800 tỷ đồng. Tốc độ tăng trưởng bình quân giai đoạn 2016-2020 là 13,9%.

Về Thương mại

Thương mại là ngành thu hút đông đảo lực lượng lao động, số lượng lao động đứng thứ ba, chỉ sau ngành nông nghiệp và ngành công nghiệp chế biến chế tạo. Lao động làm việc trong ngành tăng từ 8.559 người (năm 2010) lên 13.814 người (năm 2018), chiếm 7% tổng lao động xã hội, với tốc độ tăng bình quân giai đoạn 2010-2018 là 6,1%/năm. Thu nhập bình quân của người lao động trong ngành thương mại cũng không ngừng tăng qua các năm, từ gần 32 triệu đồng/người/năm (năm 2010) lên 72 triệu đồng/người/năm (năm 2018).

Về chợ

Tính đến hết năm 2019, trên địa bàn tỉnh có 133 chợ, trong đó có 2 chợ hạng I (chiếm 1,5%), 20 chợ hạng II (chiếm 16,5%), 108 chợ hạng III (chiếm 82%). Mật độ bình quân 1,57 xã, phường/chợ. Tổng diện tích chợ đã được xây dựng khoảng 647.000 m², trung bình 29,28 km² có 1 chợ; bình quân một chợ phục vụ 13.534 người. Hiện nay, mạng lưới chợ đang là loại hình thương mại phát triển khá phổ biến và có vị trí rất quan trọng trong việc cung ứng và tiêu thụ hàng hóa cho người dân trên địa bàn tỉnh.

Về Siêu thị

Hiện nay trên địa bàn tỉnh có 09 siêu thị, trong đó tại thành phố Bắc Giang (07 siêu thị); huyện Yên Dũng (01 siêu thị) và huyện Lạng Giang (01 siêu thị). Cả 9/9 siêu thị đều được xây dựng theo quy hoạch; trong đó, có 04 siêu thị nằm trong TTTM (siêu thị BigC, siêu thị điện máy Trần Anh, siêu thị điện máy mediamart, siêu thị Pico); 05 siêu thị tổng hợp, 04 siêu thị chuyên doanh. Hàng hoá kinh doanh trong siêu thị, TTTM rất đa dạng, phong phú, đảm bảo chất lượng, thông tin, giá cả hàng hóa được niêm yết rõ ràng, bố trí khoa học.

Về Trung tâm thương mại

Hiện nay, trên địa bàn tỉnh có 08 Trung tâm thương mại (TTTM), trong có 07 TTTM nằm trong quy hoạch của tỉnh, 01 TTTM nằm ngoài quy hoạch. Trong số các TTTM đang hoạt động, có 03 TTTM bước đầu hoạt động có hiệu quả (TTTM BigC, TTTM liên cơ quan và TTTM Hapro).

Về Tổng kho thương mại

Trên địa bàn tỉnh có khoảng 44 kho thương mại, hệ thống kho chủ yếu dùng để phục vụ kinh doanh các mặt hàng nông sản, lương thực, phân bón, bách hoá, vật liệu xây dựng của các doanh nghiệp đóng trên địa bàn tỉnh.

Hệ thống cửa hàng, cửa hiệu phát triển tại các trung tâm xã, khu dân cư và bám theo các tuyến đường. Theo thống kê, năm 2019, số cửa hàng, cửa hiệu và cơ sở, đại lý bán buôn trên địa bàn toàn tỉnh khoảng là 4.650 cửa hàng, trong đó số

cửa hàng kinh doanh tạp hóa, thực phẩm truyền thống 2.928 cửa hàng (chiếm 63%); cửa hàng chuyên doanh 979 cửa hàng (chiếm 21%); số cửa hàng tiện lợi kinh doanh theo phương thức hiện đại khoảng 443 cửa hàng (chiếm 9,5%); cơ sở, đại lý bán buôn khoảng 300 cơ sở (chiếm 6,5%).

Về Trung tâm dịch vụ logistics

Trên địa bàn tỉnh Bắc Giang hiện nay đang thực hiện 01 Dự án hạ tầng kho bãi Logistic Quốc tế thành phố Bắc Giang được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 1744/QĐ-UBND ngày 13/10/2017, với diện tích đất thực hiện dự án khoảng 71,66ha tại Xã Song Khê, thành phố Bắc Giang. Mục tiêu, quy mô dự án xây dựng một Trung tâm Logistic hiện đại, đa chức năng, tạo thành một mắt xích quan trọng trong chuỗi cung ứng, tập kết hàng hóa kết nối với các hành lang kinh tế và phục vụ hoạt động giao thương quốc tế, với quy mô: Dịch vụ kho lưu trữ hàng hóa 700.000 lượt/năm; Kinh doanh trạm dừng nghỉ 100.000 lượt/năm; Hoạt động dịch vụ thanh toán, xuất nhập khẩu, hải quan 80.000 lượt/năm. Tổng vốn đầu tư dự kiến khoảng 4.194,6 tỷ đồng, được chia làm 03 giai đoạn thực hiện. Hiện nay, Dự án đang triển khai thực hiện giai đoạn 1.

4. Xuất nhập khẩu và Thương mại điện tử

Thực hiện Quyết định số 988/QĐ-UBND ngày 04/06/2015 của Chủ tịch UBND tỉnh Bắc Giang về việc phê duyệt Kế hoạch phát triển thương mại điện tử (TMĐT) tỉnh Bắc Giang giai đoạn 2016 - 2020, những năm qua, Sở Công Thương Bắc Giang đã chủ trì, thực hiện các nội dung tuyên truyền nâng cao nhận thức về TMĐT; Phát triển và ứng dụng công nghệ, dịch vụ TMĐT; Củng cố tổ chức, nâng cao hiệu quả và năng lực quản lý nhà nước về TMĐT; Hỗ trợ doanh nghiệp (DN) trên địa bàn tỉnh triển khai TMĐT...

Không chỉ hỗ trợ DN triển khai hoạt động TMĐT, với tầm nhìn chiến lược trong quảng bá và xúc tiến tiêu thụ các sản phẩm nông sản chủ lực của ngành nông nghiệp tỉnh, đầu tháng 6 vừa qua, lần đầu tiên, UBND tỉnh Bắc Giang đã tiến hành khai trương thành công sàn giao dịch TMĐT vải thiều.

Giai đoạn 2016 - 2020 nhằm hỗ trợ nhân rộng phát triển kinh doanh TMĐT, UBND tỉnh Bắc Giang đã ban hành Kế hoạch phát triển TMĐT với tổng kinh phí thực hiện cả giai đoạn hơn 11,6 tỷ đồng. Trong đó vốn T.Ư là 800 triệu đồng, ngân sách tỉnh hơn 3,7 tỷ đồng, còn lại là đối ứng của DN.

Nhờ sự quan tâm phát triển của TMĐT, các doanh nghiệp, đơn vị, người dân cũng được tiếp xúc, tham gia nhiều hơn vào việc mua bán, giao dịch hàng hóa trên các Website TMĐT. Đây là tiền đề, cơ sở cho các doanh nghiệp, công ty xuất nhập khẩu áp dụng và đẩy mạnh kinh doanh.

Kim ngạch xuất khẩu duy trì được tốc độ tăng trưởng khá cao, bình quân đạt 31%/năm, năm 2020 ước đạt 9,350 tỷ USD, vượt mục tiêu 46%, gấp 3,8 lần năm 2015; kim ngạch nhập khẩu ước đạt 8,500 tỷ USD, vượt 20,6% mục tiêu. Hàng hóa nhập chủ yếu là nguyên phụ liệu may mặc, sản xuất linh kiện điện tử, tấm pin năng lượng mặt trời, máy móc thiết bị tạo tài sản cố định... Xuất khẩu là các sản phẩm sản xuất hàng xuất khẩu, gia công từ nguyên phụ liệu nhập khẩu và nông sản.

5. Công tác quản lý thị trường

Tổ giúp việc BCD 389 tỉnh tiếp tục tham mưu UBND tỉnh chỉ đạo các ngành, BCD 389 các huyện, thành phố triển khai kế hoạch, phương án kiểm tra, kiểm soát thị trường, tăng cường công tác đấu tranh chống buôn lậu, gian lận thương mại và sản xuất buôn bán hàng giả trên địa bàn. Đoàn kiểm tra liên ngành cơ động phòng chống dịch động vật phối hợp kiểm tra việc mua bán, vận chuyển trái phép gia súc, gia cầm giống nhập lậu không qua kiểm dịch; kiểm tra, xử lý vi phạm trong kinh doanh xăng dầu...; thực hiện tốt Chỉ thị 12/CT-BCT ngày 02/7/2015 của Bộ Công Thương; kiểm tra, kiểm soát việc buôn bán, vận chuyển, tàng trữ thuốc lá nhập lậu; kiểm tra việc ghi nhãn hàng hóa đối với mặt hàng phân bón; kiểm tra, xử lý vi phạm trong kinh doanh thuốc bảo vệ thực vật; tiếp tục thực hiện tuyên truyền góp phần nâng cao hiệu quả đấu tranh phòng, chống buôn lậu, gian lận thương mại và hàng giả...

Năm 2015-2017, lực lượng QLTT toàn tỉnh đã phối hợp với các ngành, lực lượng chức năng trên địa bàn tổ chức kiểm tra: 6.202 vụ, thực hiện xử lý 5.486 vụ vi phạm. Nộp Kho bạc Nhà nước 37.193 triệu đồng.

Năm 2018, lực lượng quản lý thị trường đã được tách ra, sáp nhập về Cục quản lý thị trường thuộc Bộ Công Thương.

6. Hoạt động khuyến công, tiết kiệm năng lượng

Hoạt động khuyến công: Hoạt động khuyến công đã có tác động tích cực đến hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp nhất là các cơ sở công nghiệp nông thôn. Công tác hỗ trợ doanh nghiệp được thực hiện hiệu quả, giúp các cơ sở sản xuất công nghiệp nông thôn mạnh dạn vay vốn để đầu tư công nghệ, thiết bị mới, sản xuất sản phẩm mới; giảm bớt khó khăn về đào tạo và tuyển dụng lao động; nâng cao năng lực quản lý; quảng bá hình ảnh, tiếp thị, tìm kiếm thị trường, đối tác kinh doanh..., trong đó:

- Kế hoạch khuyến công quốc gia:

Trong giai đoạn 5 năm, tỉnh Bắc Giang được Bộ trưởng Bộ Công Thương phê duyệt hỗ trợ thực hiện tổng 15 đề án khuyến công quốc gia trên địa bàn tỉnh Bắc Giang, với kinh phí hỗ trợ là 6 tỷ đồng.

- Về thực hiện kế hoạch khuyến công địa phương:

Nguồn kinh phí dành cho hoạt động khuyến công tỉnh trong các năm 2016-2020 là 16,7 tỷ đồng để hỗ trợ thực hiện cho 132 đề án. Đến nay, các đề án đã được nghiệm thu hoàn thành, các đề án còn của năm 2020 sẽ được thực hiện đến hết tháng 11/2020 được nghiệm thu hoàn thành trong tháng 12 năm 2020.

Hoạt động tiết kiệm năng lượng: Chương trình sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả trên địa bàn tỉnh Bắc Giang được triển khai thực hiện với nhiều đề án như: Thông tin, tuyên truyền: Phối hợp với Báo Bắc Giang, Tạp chí Công Thương tổ chức tuyên truyền về công tác tiết kiệm năng lượng; Công tác đào tạo, tập huấn về tiết kiệm năng lượng; Đề án phát triển, phổ biến các trang thiết bị hiệu suất cao tiết kiệm năng lượng. Đến nay, các đề án đều được triển khai và hoàn thành đúng tiến độ, với tổng kinh phí thực hiện khoảng 7 tỷ đồng. Hoạt động tư vấn phát triển

công nghiệp được đẩy mạnh trên cả 3 lĩnh vực: tư vấn khuyến công, tư vấn phát triển công nghiệp và tư vấn tiết kiệm năng lượng.

7. Công tác Xúc tiến thương mại

Hoạt động Xúc tiến thương mại ngày càng đi vào chiều sâu, trọng tâm, trọng điểm góp phần quảng bá thương hiệu, tiêu thụ sản phẩm nông sản của tỉnh được thuận lợi. Năm 2017, tỉnh Bắc Giang tiếp tục đổi mới các hoạt động xúc tiến thương mại: Rút kinh nghiệm từ những năm trước, tổ chức Hội nghị xúc tiến tiêu thụ vải thiều có quy mô lớn tại thành phố Bắc Giang, với sự tham gia của các bộ, ngành Trung ương, các tỉnh, thành phố bạn, các doanh nghiệp, thương nhân của Trung Quốc và Việt Nam. Năm 2018, 2019 Diễn đàn kinh tế về sản xuất, tiêu thụ vải thiều và nông sản chủ lực lần đầu tiên được tổ chức tại Bắc Giang; đây là hoạt động xúc tiến thương mại lớn nhất từ trước đến nay (gần 1.000 đại biểu tham dự). Diễn đàn đã nhận được sự quan tâm đặc biệt của Chính phủ, các bộ, ngành Trung ương, các tỉnh, thành phố trong cả nước; của Tham tán Kinh tế, thương mại, Đại sứ quán Trung Quốc tại Việt Nam; Sở Thương mại và Chính quyền nhân dân thị Bằng Tường, tỉnh Quảng Tây; Chính quyền nhân dân huyện Hà Khẩu, tỉnh Vân Nam, Trung Quốc; cùng hàng trăm doanh nghiệp Việt Nam và Trung Quốc; các cơ quan truyền thông trong và ngoài nước...Đặc biệt, sự chỉ đạo sâu sát, kịp thời của đồng chí Vương Đình Huệ, Ủy viên Bộ Chính trị, Phó Thủ tướng Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam đã chỉ đạo các bộ, ngành, các tỉnh quan tâm sớm giải quyết những đề xuất, kiến nghị của Bắc Giang, tháo gỡ nhiều nút thắt trong hoạt động tiêu thụ vải thiều và hàng nông sản của tỉnh Bắc Giang.

Đến năm 2020, trước diễn biến phức tạp của dịch Covid-19 có thể ảnh hưởng đến việc tiêu thụ vải thiều, ngay từ đầu năm, Sở Công Thương đã chủ động tham mưu cho UBND tỉnh xây dựng các kịch bản tiêu thụ vải tương ứng với các mức độ kiểm soát dịch bệnh; tiến hành tổng hợp thời gian, sản lượng thu hoạch cho từng trà vải để phân bổ cho từng phân khúc thị trường tương ứng gắn với các kịch bản diễn biến của dịch bệnh Covid 19; xây dựng 03 phương án cụ thể để chủ động triển khai, sẵn sàng kích hoạt cả 03 kịch bản, tạo điều kiện thuận lợi nhất cho người dân sản xuất vải thiều tiêu thụ được sản phẩm, với phương châm đồng hành cùng nông dân trong sản xuất tiêu thụ vải thiều và các sản phẩm nông sản khác của tỉnh.

Sở thường xuyên phối hợp, trao đổi với Cục Chế biến và Phát triển thị trường nông sản (Bộ NN&PTNT), Vụ Thị trường trong nước, Vụ Thị trường châu Á-châu Phi, Cục Xúc tiến thương mại (Bộ Công Thương) bàn các giải pháp xúc tiến vải thiều mùa vụ 2020; thống nhất nội dung, hình thức tổ chức các hoạt động xúc tiến thương mại, thúc đẩy tiêu thụ vải thiều trên thị trường nội địa và xuất khẩu. Kết quả, ngày 29/5/2020, Sở đã phối hợp với Cục Xúc tiến thương mại, Bộ Công Thương tổ chức thành công Hội nghị trực tuyến xúc tiến tiêu thụ vải thiều và các sản phẩm nông sản chủ lực tỉnh Bắc Giang vào thị trường Singapore, nhận được sự quan tâm, đánh giá cao về chất lượng vải thiều của tỉnh. Đặc biệt, vào ngày 06/6/2020, Sở Công Thương chủ trì, phối hợp với các ngành, địa phương tham mưu cho tỉnh phối hợp với Bộ Công Thương, Bộ Nông nghiệp và PTNT tổ chức thành công Hội nghị trực tuyến xúc tiến tiêu thụ vải

thiều năm 2020 với 62 điểm cầu trong nước và 04 điểm cầu quốc tế, thu hút hơn 2,300 đại biểu, được phát trực tiếp trên Đài Phát thanh-Truyền hình tỉnh Bắc Giang; chuyên tiếp trên các kênh sóng phát thanh, Truyền hình một số tỉnh, thành phố; các trang fanpage, các đường link của cơ quan truyền thông, thông tấn, báo chí; đây là hội nghị có quy mô và sức lan tỏa lớn nhất từ trước đến nay; là sự kiện hết sức đặc sắc, mang tính thương hiệu, biểu tượng riêng, thể hiện tính tiên phong, khác biệt của tỉnh Bắc Giang, tạo ra hình ảnh năng động của địa phương trong bối cảnh khó khăn do ảnh hưởng của đại dịch Covid-19. Tại đây, tỉnh Bắc Giang đã nhận được quan tâm của Trung ương, các tỉnh, thành phố trong cả nước, chính quyền và các cơ quan chức năng tỉnh Vân Nam, Quảng Tây (Trung Quốc), các doanh nghiệp, thương nhân kinh doanh nông sản nói chung và vải thiều nói riêng cả trong và ngoài nước. Hội nghị vinh dự được Thủ tướng Chính phủ tham dự cất bằng xuất hành “Đoàn xe vải thiều tiêu thụ tại thị trường trong nước và quốc tế”. Kết thúc Hội nghị tỉnh Bắc Giang được tỉnh Vân Nam đánh giá cao sự sáng tạo, linh hoạt về tổ chức hoạt động xúc tiến thương mại trong bối cảnh khó khăn hiện nay.

Để tháo gỡ khó khăn, thúc đẩy tiêu thụ vải thiều xuất khẩu, tỉnh Bắc Giang đã có Văn bản đề nghị Thủ tướng Chính phủ cho phép hơn 300 thương nhân Trung Quốc được phép nhập cảnh vào Việt Nam để đến Bắc Giang khảo sát, đàm phán, thu mua vải thiều; đề nghị cho phép các chuyên gia kiểm dịch thực vật của Nhật Bản được nhập cảnh để thực hiện công tác giám sát quy trình xử lý vải thiều, đảm bảo đúng tiêu chuẩn xuất khẩu sang Nhật Bản. Tỉnh Bắc Giang đã chỉ đạo thực hiện nghiêm túc việc cách ly, theo dõi sức khỏe, kiểm tra y tế theo quy định của công tác phòng chống dịch Covid-19 và các điều kiện an ninh, trật tự khác. Vụ vải năm 2020 với tổng sản lượng tiêu thụ toàn tỉnh là 164,7 nghìn tấn, trong đó xuất khẩu là 78,230 nghìn tấn. Giá bán bình quân đạt **31.200/kg**, giá trị từ vải thiều năm 2020 đạt khoảng **5.140 tỷ** và kèm theo giá trị từ các hoạt động dịch vụ phụ trợ ước đạt **1.690 tỷ**.

8. Công tác cải cách hành chính

Đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính, đổi mới lề lối làm việc, chấn chỉnh thái độ phục vụ nhân dân của đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức: Thực hiện tốt Kế hoạch số 1952/KH-UBND ngày 15/7/2015 Kế hoạch triển khai thực hiện Chỉ thị số 13/CT-TTg ngày 10/6/2015 của Thủ tướng Chính phủ về việc tăng cường trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan hành chính nhà nước các cấp trong công tác cải cách thủ tục hành chính; Kế hoạch thực hiện Chỉ thị số 01/CT-UBND ngày 08/01/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh về tăng cường kỷ luật, kỷ cương hành chính khi thi hành công vụ.

Công tác cải cách hành chính, kiểm soát thủ tục hành chính được thực hiện có chất lượng; đã xây dựng và được UBND tỉnh phê duyệt Đề án vị trí việc làm và cơ cấu ngạch công chức của Sở, theo hướng mỗi năm giảm từ 1,5% - 2% số biên chế; đến năm 2021, sẽ giảm 10% biên chế hành chính so với tổng số biên chế được giao năm 2015. Đã tiến hành rà soát, cắt giảm từ 25-30% thời gian giải quyết các thủ tục hành chính (TTHC) thuộc thẩm quyền có thời hạn giải quyết từ 15 ngày làm việc trở lên.

Việc công khai bộ TTHC của Sở Công Thương tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả được Sở phối hợp với Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh thực hiện đầy đủ tại nơi tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả của Sở. Thực hiện niêm yết công khai trên trang thông tin điện tử của Sở tại địa chỉ: <http://sct.bacgiang.gov.vn>, nhằm tạo điều kiện cho tổ chức, cá nhân biết, tìm hiểu về thủ tục hành chính của ngành Công Thương trên cả 3 cấp là cấp tỉnh, cấp huyện và cấp xã theo quy định. Đồng thời công khai trong các buổi tập huấn, hội thảo, đối thoại để người dân, doanh nghiệp biết thực hiện.

Đến nay, thực hiện giải quyết 126 TTHC thuộc 15 lĩnh vực, trong đó: Tổng số TTHC thực hiện bưu chính công ích 92 thủ tục đạt 73%; 64 TTHC thực hiện dịch vụ công mức độ 3 đạt 55%; 53 TTHC thực hiện dịch vụ công mức độ 4 đạt 43%; thực hiện cắt giảm từ 25 đến 50% số ngày giải quyết đối với các TTHC trên 15 ngày giải quyết theo quy định. Hiện nay 100% thủ tục hành chính thực hiện qua cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại Trung tâm Hành chính công của Tỉnh. Bình quân kết quả giải quyết TTHC 2016 - 2020: số hồ sơ trả trước hạn chiếm 96,2%; số hồ sơ trả đúng hạn chiếm 3,8%, không có hồ sơ nào quá hạn xử lý.

III. Tồn tại, hạn chế và nguyên nhân

1. Về công nghiệp

- Công nghiệp của tỉnh còn phụ thuộc rất lớn vào khu vực FDI, liên kết giữa các doanh nghiệp FDI và doanh nghiệp trong nước trong liên kết tham gia chuỗi giá trị, chuyển giao công nghệ còn hạn chế, sự chênh lệch quy mô giá trị sản xuất công nghiệp giữa khu vực doanh nghiệp trong nước với doanh nghiệp FDI ngày càng mở rộng. Công nghiệp hỗ trợ phát triển chậm, các doanh nghiệp địa phương chưa có cơ hội tham gia nhiều vào chuỗi giá trị của doanh nghiệp FDI.

- Tiến độ đầu tư xây dựng hạ tầng các KCN chậm; hạ tầng các CCN do nhà nước đầu tư chưa được đầu tư hoàn thiện. Hoạt động của các cụm công nghiệp còn tồn tại nhiều bất cập. Cơ sở hạ tầng của phần lớn các cụm công nghiệp (đường giao thông nội bộ, cây xanh, các công trình xử lý rác thải, nước thải...) chưa được đầu tư đồng bộ, hoàn chỉnh (mới có 9 cụm công nghiệp có trạm xử lý nước thải tập trung hoạt động). Công tác phối hợp quản lý nhà nước về Cụm công nghiệp chưa chặt chẽ.

** Nguyên nhân:*

- Các doanh nghiệp địa phương chủ yếu là các doanh nghiệp nhỏ và vừa trình độ quản chưa cao, công nghệ lạc hậu, hạn chế về nguồn vốn và đặc biệt là thiếu sự liên kết nên việc tham gia vào chuỗi giá trị của các doanh nghiệp FDI còn gặp nhiều khó khăn.

- Cơ chế, chính sách hỗ trợ phát triển công nghiệp, hỗ trợ đầu tư phát triển hạ tầng CCN tuy đã có nhưng do kinh phí hạn chế nên rất khó khăn cho các địa phương trong việc triển khai thực hiện. Các CCN mới được thành lập hoặc chuyên chủ đầu tư gặp khó khăn trong công tác giải phóng mặt bằng nên ảnh hưởng tới tiến độ đầu tư xây dựng các CCN.

- Công tác Quản lý nhà nước đối với hoạt động của CCN còn tồn tại nhiều cơ quan đầu mối (Kế hoạch và Đầu tư, Xây dựng, Tài nguyên & môi trường, UBND cấp huyện) dẫn tới hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước chưa cao.

- Các dự án thu hút đầu tư phần lớn là gia công lắp ráp, giá trị gia tăng thấp, sử dụng nhiều lao động. Năng lực của các doanh nghiệp trong nước hạn chế, do vậy, không tham gia được chuỗi giá trị với các doanh nghiệp FDI. Tích lũy từ nền kinh tế thấp, nguồn lực dành cho đầu tư kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội gặp nhiều khó khăn, phải đầu tư từng bước, dẫn đến không đồng bộ.

2. Về thương mại

- Kim ngạch xuất nhập khẩu phát triển thiếu bền vững và có xu hướng chững lại thậm chí giảm cả về quy mô và tốc độ tăng trưởng trong những năm gần đây. Tỷ trọng đóng góp của các doanh nghiệp địa phương còn thấp.

- Hạ tầng thương mại mặc dù có những khởi sắc nhưng phân bố không đều, tập trung và phát triển chủ yếu ở khu vực thành thị. Hạ tầng thương mại truyền thống nhất là chợ nông thôn, cơ sở vật chất còn sơ sài, chưa đáp ứng được yêu cầu về văn minh thương mại, vệ sinh môi trường và an toàn vệ sinh thực phẩm. Trên địa bàn tỉnh chưa hình thành các kết cấu hạ tầng thương mại mang quy mô cấp vùng, khu vực.

- Các loại hình phân phối hiện đại như Trung tâm Logistics còn chậm phát triển, chất lượng cung ứng chưa cao chưa tương xứng với tiềm năng của địa phương.

- Thị trường Bắc Giang phát triển chưa bền vững, các hệ thống phân phối còn mỏng, dễ bị ảnh hưởng trước các tác động của giá cả thị trường thế giới và những đột biến về quan hệ cung - cầu trong nước.

** Nguyên nhân:*

- Hoạt động xuất nhập khẩu của tỉnh phụ thuộc chủ yếu và khối các doanh nghiệp FDI. Hoạt động sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp FDI không đạt kỳ vọng nên tốc độ tăng trưởng giá trị kim ngạch xuất, nhập khẩu của tỉnh đạt thấp.

- Chính sách hỗ trợ và ưu đãi đầu tư phát triển hạ tầng thương mại còn hạn chế và thiếu đồng bộ. Hệ thống văn bản pháp luật về quản lý phát triển hạ tầng thương mại ở Trung ương đang bộc lộ nhiều hạn chế, không còn phù hợp với thực tiễn quản lý cần phải thay thế.

PHẦN II

KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN KT-XH GIAI ĐOẠN 5 NĂM 2021-2025

I. Bối cảnh phát triển KT-XH 5 năm 2021-2025

1. Tình hình thế giới:

Xu hướng bảo hộ thương mại, chiến tranh thương mại, xu hướng tăng cường ký kết FTA tại các nền kinh tế đang phát triển cùng với cách mạng công nghiệp 4.0 sẽ có những tác động tích cực và tiêu cực đến nền kinh tế thế giới.

Theo nhận định kinh tế thế giới giai đoạn 2021-2025 vẫn tiếp tục duy trì đà tăng trưởng khá, tuy nhiên tốc độ tăng sẽ chậm lại và với biên độ giảm tăng dần theo từng năm trong giai đoạn 2021-2025. Đặc biệt do sự tác động của đại dịch Covid-19 đã làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến nền kinh tế thế giới. Đây là giai đoạn phát triển kinh tế - xã hội thật sự khó khăn và thách thức đối với các nước phát triển và đang phát triển.

2. Tình hình trong nước:

Phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn 2021 - 2025 có nhiệm vụ nặng nề do nền kinh tế còn nhiều khó khăn, tiềm ẩn rủi ro trong đó có ảnh hưởng từ dịch COVID-19. Thực hiện Chỉ thị số 18/CT-TTg về việc xây dựng Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2021 - 2025, trong giai đoạn tới tình hình kinh tế thế giới tiếp tục diễn biến phức tạp, khó lường, trong khi đó kinh tế trong nước vẫn còn nhiều khó khăn, đặt ra nhiều thách thức cho quá trình phát triển bền vững, trong đó có diễn biến phức tạp của đại dịch COVID-19.

Bên cạnh đó, cùng với sự hội nhập ngày càng sâu vào nền kinh tế thế giới, chúng ta có cơ hội tiếp thu tiến bộ khoa học, công nghệ, kỹ thuật tiên tiến, thay thế dần công nghệ lạc hậu của các doanh nghiệp địa phương; các doanh nghiệp có cơ hội tiếp cận, học hỏi, đổi mới trình độ quản lý và tổ chức sản xuất để nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm theo các tiêu chuẩn quốc tế, hiệu quả sản xuất, kinh doanh được nâng lên.

Quá trình hội nhập kinh tế quốc tế giúp cho phép lực lượng lao động của tỉnh tham gia vào quá trình phân công của thị trường lao động thế giới, góp phần giải quyết việc làm, tăng thu nhập, cải thiện trình độ lao động. Tham gia hội nhập kinh tế quốc tế thúc đẩy quá trình đổi mới cơ chế, chính sách, cải cách hành chính đồng bộ hơn, hiệu quả hơn. Những thành tựu của cuộc CMCN 4.0 sẽ mở ra những cơ hội mới cho phát triển của tỉnh.

Sự ổn định kinh tế vĩ mô, kinh tế trong nước phục hồi, góp phần quan trọng vào thực hiện các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, đặc biệt là thúc đẩy phát triển sản xuất, kinh doanh của các doanh nghiệp.

Tuy nhiên bên cạnh đó cách mạng công nghiệp 4.0 nhất là cách mạng số trong điều kiện phát triển thực tế trong nước; vấn đề năng suất lao động; sự biến đổi khí hậu và khan hiếm tài nguyên, dịch Covid-19 cũng tạo ra nhiều sức ép cho phát triển kinh tế giai đoạn 2021-2025.

Bên cạnh đó, việc hội nhập ngày càng sâu, rộng vào kinh tế thế giới trong điều kiện sức cạnh tranh nền kinh tế còn thấp sẽ phải chịu nhiều áp lực trong quá trình đàm phán, thực hiện các liên doanh, liên kết sản xuất cũng như quá trình đàm phán thu hút đầu tư. Sự cạnh tranh ngay ở thị trường trong nước ngày càng tăng, trong khi sản phẩm sản xuất trong nước sức cạnh tranh thấp, dẫn đến nguy cơ kìm hãm sản xuất trong nước; các doanh nghiệp, nhất là các doanh nghiệp sản xuất trình độ thấp sẽ gặp rất nhiều khó khăn. Việc thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài dẫn đến nguy cơ nước ta trở thành nơi nhận gia công giá trị thấp cho thế giới, việc thu hút FDI để chuyển giao khoa học - công nghệ cho các doanh nghiệp trong nước sẽ chậm được thực hiện.

3. Tình hình địa phương:

Phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn phát triển 2021-2025, đồng thời cũng là giai đoạn thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh Bắc Giang lần thứ XIX. Chính vì vậy các chỉ tiêu phát triển kinh tế - xã hội sẽ là yếu tố quan trọng để các ngành, các cấp chính quyền phân đầu và tổ chức triển khai thực hiện đạt hiệu quả ngay từ bước đầu.

Với tình hình chung, sự biến đổi khí hậu ngày càng rõ nét; thời tiết, dịch bệnh diễn biến phức tạp, khó lường, trong đó dịch Covid - 19 đang lan rộng trên toàn thế giới, ảnh hưởng lớn đến sự phát triển kinh tế - xã hội của đất nước nói chung và tỉnh Bắc Giang nói riêng trong thời gian tới.

Tỉnh Bắc Giang sẽ tiếp tục triển khai đồng bộ các giải pháp nhằm duy trì sự phát triển kinh tế ổn định. Ngành Công Thương nhận định giai đoạn 2021-2025 kinh tế Bắc Giang vẫn duy trì mức tăng trưởng khá, trong đó công nghiệp vẫn là ngành kinh tế mũi nhọn chiếm tỷ trọng lớn trong GRDP của tỉnh. Tuy nhiên mức tăng này sẽ thấp hơn so với giai đoạn 2016-2020. Trong đó đối với lĩnh vực công nghiệp và thương mại bên cạnh những tác động tích cực cũng có nhiều tác động tiêu cực cho sự phát triển cụ thể như sau:

II. Mục tiêu phát triển KT-XH 5 năm 2021-2025

1. Mục tiêu tổng quát

Phát huy tiềm năng, lợi thế của địa phương, sức mạnh tổng hợp, đưa Bắc Giang phát triển nhanh, toàn diện và bền vững. Trình độ và vị thế của tỉnh không ngừng được cải thiện; tốc độ tăng trưởng kinh tế cao gắn với đẩy mạnh chuyển đổi mô hình tăng trưởng từ chiều rộng sang chiều sâu; quy mô GRDP đứng trong nhóm 15 tỉnh, thành phố đứng đầu cả nước. Công nghiệp là động lực chủ yếu cho tăng trưởng; Dịch vụ ngày càng được khẳng định với sự phát triển mạnh mẽ của dịch vụ du lịch. Nông nghiệp phát triển theo hướng nông nghiệp sạch, công nghệ cao, là nền tảng, tạo sự ổn định. Kết cấu hạ tầng phát triển theo hướng đồng bộ, hiện đại, trọng tâm là hạ tầng các trục đường giao thông quan trọng, hạ tầng công nghiệp đồng bộ, thuận lợi; đô thị xanh gắn với vùng động lực phát triển kinh tế. Khoa học, công nghệ được phát huy, là nhân tố đóng góp ngày càng tích cực cho sự phát triển. Các lĩnh vực giáo dục, y tế, văn hóa, xã hội phát triển toàn diện thuộc nhóm tiên tiến của cả nước, quyền con người được đảm bảo và phát huy. Quản lý chặt chẽ, giải quyết tốt các vấn đề về lao động. Khó khăn đoàn kết toàn dân được củng cố vững chắc, đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân được cải thiện rõ rệt; môi trường sống được cải thiện, đảm bảo an toàn, bền vững, thích ứng với biến đổi khí hậu; an ninh trật tự, quốc phòng được củng cố, tạo môi trường thuận lợi cho phát triển và cuộc sống an toàn của nhân dân.

2. Nhiệm vụ chủ yếu

2.1 Đối với lĩnh vực công nghiệp

Xác định không gian phát triển công nghiệp dựa trên vị trí, điều kiện phát triển, khả năng kết nối giữa các loại hạ tầng và dự báo khả năng thu hút đầu tư thời kỳ quy hoạch. Tính toán, dự báo nhu cầu sử dụng đất công nghiệp cho phát triển để

xác định vị trí quy hoạch các khu, CCN trong Quy hoạch tỉnh thời kỳ 2021-2030 theo không gian các vùng động lực, gắn liền với các trục giao thông chính (*các quốc lộ 1, 17, 31, 37, đường vành đai IV Hà Nội, các tỉnh lộ 292, 293, 294, 295, 296, 299, 398 và một số tuyến đường trục liên xã*).

Toàn tỉnh hiện có 6 KCN được thành lập với tổng diện tích 1.468 ha, tỷ lệ lấp đầy đất công nghiệp là 81,7%; 40 CCN với diện tích 1.258ha, tỷ lệ lấp đầy bình quân đạt 66%. Với tốc độ thu hút đầu tư và phát triển công nghiệp như hiện nay thì quỹ đất trên chưa đáp ứng được yêu cầu. Hiện nay tỉnh đang triển khai các bước lập quy hoạch tỉnh thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050, theo đó đang nghiên cứu, đề xuất quy hoạch không gian phát triển công nghiệp. Quy hoạch được sẽ trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt, do vậy sẽ mất khá nhiều thời gian, việc phát triển công nghiệp trong những năm đầu của kế hoạch sẽ bị hạn chế.

Giai đoạn 2021-2025 theo nhận định, khu vực FDI bên cạnh các nhân tố mới có thể góp phần vào tăng trưởng như: Sự phát triển mở rộng các KCN, CCN theo quy hoạch đã được phê duyệt (trước mắt là KCN Châu Minh - Mai Đình và KCN Yên Lư, Xuân Cẩm - Hương lâm, Yên Sơn - Bắc Lũng); việc thu hút luồng vốn đầu tư nước ngoài mới dịch chuyển từ tác động của chiến tranh thương mại Mỹ - Trung, hiệp định thương mại giữa Việt Nam và Liên minh Châu Âu - EVFTA, dịch covid 19; tác động của các mạng công nghiệp 4.0 và đặc biệt là sự phát triển của công nghệ mạng 5G góp phần duy trì đà tăng trưởng của nhóm ngành điện tử...

Thu hút đầu tư phát triển các ngành công nghiệp theo hướng ưu tiên phát triển gồm: Công nghiệp cơ khí chế tạo; công nghiệp điện tử; công nghiệp chế biến nông lâm sản, thực phẩm; công nghiệp dệt may, da giày; công nghiệp khác. Trong đó:

+ *Công nghiệp cơ khí chế tạo tập trung tại các KCN, CCN quy hoạch mới khu vực Hiệp Hòa, Yên Dũng.* Ưu tiên các dự án sản xuất, lắp ráp thiết bị, máy móc, công cụ; sản xuất phụ tùng, linh kiện, cụm chi tiết, gia công cơ khí, đúc, rèn, tạo phôi lớn, nhiệt luyện, xử lý bề mặt, cung cấp nguyên liệu, bán thành phẩm tiêu chuẩn; cơ khí chính xác, khuôn mẫu, vật liệu cắt gọt và gia công áp lực...

+ *Công nghiệp điện tử tập trung tại các khu, CCN ở các huyện Việt Yên, Tân Yên, Hiệp Hòa, Yên Dũng và thành phố Bắc Giang.* Ưu tiên các nhà đầu tư lớn, chiến lược thực hiện các dự án sản xuất máy tính và các thiết bị ngoại vi, linh kiện bán dẫn, linh kiện điện tử các loại cho các thiết bị điện tử gia dụng, điện thoại di động..., tạo ra các sản phẩm xuất khẩu, tham gia chuỗi giá trị toàn cầu. Trong đó, từ nay đến năm 2030 chú trọng tiếp thu công nghệ và từng bước nâng cao tiềm lực công nghệ để chuyển từ gia công lắp ráp sang thiết kế; sau năm 2030 có khả năng tự sản xuất sản phẩm hoàn chỉnh.

+ *Công nghiệp chế biến nông lâm sản, thực phẩm tập trung ở các huyện Lục Ngạn, Lục Nam, Hiệp Hòa.* Ưu tiên các dự án sản xuất sản phẩm chế biến rau, quả, gỗ bảo đảm tiêu chuẩn quốc tế về an toàn thực phẩm, hướng đến xuất khẩu.

+ *Công nghiệp dệt may tập trung tại các khu, CCN quy hoạch:* Ưu tiên công nghiệp dệt và công nghiệp phụ trợ cho ngành dệt. Thu hút công nghiệp may mặc sử dụng nhiều lao động địa phương gắn với định hướng tăng cường đầu tư chiều sâu, tham gia vào các công đoạn thiết kế mẫu mã, tiêu thụ nhằm nâng cao giá trị

tăng thêm trong sản phẩm và giảm dần tỷ lệ gia công; tập trung tại các huyện Sơn Động, Lục Ngạn, Lục Nam, Yên Thế...

+ *Công nghiệp sản xuất điện*: Triển khai đầu tư, mở rộng các dự án nhà máy nhiệt điện trên địa bàn theo quy hoạch. Thu hút các dự án sản xuất năng lượng sạch, năng lượng tái tạo. Thu hút các dự án sản xuất pin năng lượng mặt trời tại các khu công nghiệp gắn với việc xử lý tốt môi trường.

Quy hoạch phát triển điện bám sát nhu cầu sản xuất và sinh hoạt dân cư, trong đó phải đáp ứng nhu cầu điện của các khu, cụm CN tập trung, khu đô thị. Củng cố, xây dựng hệ thống cấp điện các trạm hạ thế theo quy hoạch và đưa vào sử dụng đáp ứng nhu cầu cấp điện. Tiếp tục đầu tư nâng cấp lưới điện đồng thời đổi mới công tác quản lý để đảm bảo điện cho sản xuất, kinh doanh và đời sống.

2.2. Đối với lĩnh vực thương mại, dịch vụ

2.2.1. Về thương mại

Đến năm 2025 có 09 TTTM, trong đó giữ nguyên 04 TTTM hiện nay và phát triển thêm 05 TTTM mới (dự kiến tại các khu vực: Thành phố Bắc Giang; Thị trấn Thắng; Thị trấn Kép; Thị trấn Chũ; Thị trấn An Châu).

Đến năm 2025 có 18 siêu thị, trong đó giữ nguyên 09 siêu thị hiện nay và phát triển thêm 10 siêu thị mới (tại các khu vực: Thành phố Bắc Giang 01; tại thị trấn các huyện: Mỗi huyện 01 siêu thị);

Đến năm 2025 có 138 chợ, trong đó xóa bỏ 04 chợ và xây dựng mới 09 chợ.

- Kho xăng dầu: Đẩy nhanh tiến độ xây dựng 02 dự án kho xăng dầu Đồng Sơn và kho xăng dầu Quang Châu; bổ sung quy hoạch 03 kho xăng dầu tại xã Yên Sơn, huyện Lục Nam; xã Yên Lư, huyện Yên Dũng; xã Châu Minh, huyện Hiệp Hòa.

- Đẩy nhanh tiến độ thực hiện Dự án hạ tầng kho bãi Logistic Quốc tế thành phố Bắc Giang để kết nối lưu thông hàng hóa giữa Bắc Giang với các tỉnh, thành phố trong cả nước, phục vụ các doanh nghiệp xuất nhập khẩu (phần đầu đưa vào khai thác năm 2022).

- Phát triển kho cảng tổng hợp tại xã Yên Lư, huyện Yên Dũng và cảng thủy nội địa gắn với trung tâm logistics tại xã Châu Minh, huyện Hiệp Hòa để kết nối với thành phố Hà Nội, sân bay nội bài và các cảng biển, cửa khẩu của các tỉnh: Quảng Ninh, Hải Phòng, Lào Cai, Cao Bằng.

2.2.2. Phát triển dịch vụ logistics:

Hoàn thành, đi vào khai thác Trung tâm logistics quốc tế thành phố Bắc Giang với đầy đủ các loại hình dịch vụ tổng hợp. Tập trung xây dựng kết cấu hạ tầng bến bãi, đổi mới mạnh mẽ công tác quản lý, gắn liền với phát triển nhân lực của ngành, thu hút lao động trình độ cao. Thu hút đầu tư phát triển dịch vụ hậu cần, logistics, kho bãi, vận tải, bảo quản sản phẩm, bảo dưỡng sửa chữa thiết bị máy móc, hỗ trợ, chăm sóc khách hàng, phục vụ công nghiệp truyền thống, áp dụng công nghệ công nghiệp 4.0.

2.2.3. Tập trung khai thác, phát triển các sản phẩm dịch vụ sau:

Dịch vụ thương mại: Thành phố Bắc Giang là trung tâm dịch vụ thương mại của tỉnh; phát triển các thị trấn trung tâm các huyện là trung tâm dịch vụ thương mại của huyện; thị trấn Thắng (Hiệp Hòa), thị trấn Chũ (Lục Ngạn) trở thành trung tâm dịch vụ thương mại khu vực phía Tây và phía Đông của tỉnh.

Quy hoạch xây dựng các trung tâm thương mại diện tích 100ha, trong đó chủ yếu quy hoạch hình thành khu vực dịch vụ hiện đại tại khu vực phía Nam thành phố Bắc Giang. Xây dựng cơ chế ưu đãi, hỗ trợ đầu tư phát triển sản xuất hàng hóa xuất khẩu và thay thế nhập khẩu; đầu tư ứng dụng công nghệ hiện đại; đầu tư sản xuất nguyên phụ liệu; đầu tư phát triển các hoạt động xuất khẩu dịch vụ, xuất khẩu tại chỗ. Nâng cao tỷ trọng hàng xuất khẩu qua chế biến, giảm hàng xuất khẩu thô. Tập trung phát triển thị trường ở nhóm hàng có năng lực cạnh tranh, có ưu thế của tỉnh.

II. Chỉ tiêu phát triển ngành Công nghiệp và Thương mại 5 năm, giai đoạn 2021-2025

Căn cứ vào tình hình và kết quả sản xuất công nghiệp, thương mại trên địa bàn tỉnh trong giai đoạn 2016-2019, ước thực hiện 2020 và trên cơ sở phân tích, dự báo khả năng của các yếu tố góp phần làm gia tăng năng lực mới cũng như những khó khăn khách quan của đại dịch Covid-19 trong giai đoạn 2021-2025.

Sở Công Thương xây dựng kế hoạch các chỉ tiêu phát triển công nghiệp, thương mại tỉnh Bắc Giang giai đoạn 2021-2025.

(Phụ lục biểu 03 - Kế hoạch ngành Công nghiệp và Thương mại 5 năm giai đoạn 2021-2025 kèm theo)

PHẦN III TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Thực hiện mở rộng không gian phát triển công nghiệp, trọng tâm là các KCN, CCN; tiếp tục mở rộng quy mô, nâng cao chất lượng theo hướng bền vững; tạo động lực chính thúc đẩy tăng trưởng, chuyển dịch cơ cấu kinh tế của tỉnh và phát triển các lĩnh vực khác. Thực hiện mở rộng các khu công nghiệp hiện có tạo mặt bằng với hạ tầng đồng bộ để đón nhận các nhà đầu tư mới; triển khai xây dựng và thu hút đầu tư khu công nghiệp Châu Minh - Mai Đình (Hiệp Hòa), KCN Yên Lư, Yên Sơn - Bắc Lũng; đồng thời thành lập, mở rộng một số cụm công nghiệp thuộc các huyện theo quy hoạch và ở nơi có điều kiện để thu hút đầu tư.

Tập trung phát triển mạnh công nghiệp công nghệ cao, công nghiệp hỗ trợ thuộc các lĩnh vực điện tử, linh kiện điện tử, cơ khí chính xác, khuôn mẫu, công nghệ thông tin. Tiếp tục phát triển công nghiệp dệt may và công nghiệp hỗ trợ cho ngành dệt may tại khu vực nông thôn nhằm giải quyết việc làm tại chỗ, thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu lao động và nâng cao thu nhập cho nông dân.

2. Tiếp tục đầu tư các trung tâm thương mại, siêu thị, hệ thống chợ nông thôn, chuỗi bán buôn, bán lẻ; hình thành một số trung tâm mua sắm quy mô lớn. Thu hút

đầu tư theo quy hoạch khu tài chính, khách sạn, siêu thị cao cấp tại thành phố Bắc Giang. Đổi mới, nâng cao hiệu quả hoạt động xúc tiến thương mại; chú trọng tìm kiếm thị trường xuất khẩu các sản phẩm của địa phương, nhất là nông sản.

3. Về định hướng phát triển

- Đối với ngành công nghiệp: Phát triển các ngành có tiềm năng và lợi thế: công nghiệp cơ khí chế tạo, công nghiệp điện tử, công nghiệp chế biến nông lâm sản, công nghiệp dệt may và công nghiệp sản xuất điện (nhiệt điện và năng lượng tái tạo); Ưu tiên phát triển các lĩnh vực tạo ra các sản phẩm có khả năng cạnh tranh; các sản phẩm trong chuỗi sản xuất toàn cầu thuộc các ngành cơ khí, chế biến, điện, và các sản phẩm linh kiện, phụ tùng.

Giai đoạn từ năm 2021 đến năm 2025 ưu tiên phát triển công nghiệp hỗ trợ: Kết nối, hỗ trợ doanh nghiệp công nghiệp hỗ trợ trở thành nhà cung ứng sản phẩm cho khách hàng ở trong và ngoài nước; xúc tiến thu hút đầu tư nước ngoài vào lĩnh vực công nghiệp hỗ trợ. Hỗ trợ doanh nghiệp áp dụng hệ thống quản lý đáp ứng yêu cầu của các chuỗi sản xuất toàn cầu trong quản trị doanh nghiệp, quản trị sản xuất. Hỗ trợ nghiên cứu phát triển, ứng dụng chuyển giao và đổi mới công nghệ trong sản xuất thử nghiệm linh kiện, phụ tùng, nguyên liệu và vật liệu. Cập nhật thông tin về công nghiệp hỗ trợ.

- Đối với ngành thương mại: Tăng cường hoạt động xuất nhập khẩu hàng hóa từ các chương trình hợp tác kinh tế quốc tế, kết hợp phát triển nhanh các hình thức thương mại hiện đại để từng bước mở rộng thị trường và nâng cao hiệu quả hoạt động xuất - nhập khẩu và thương mại trong nước; Phát triển hệ thống logistics, hệ thống chợ đầu mối nông sản tổng hợp, các trung tâm trung chuyển và kho vận đảm bảo đáp ứng cho hoạt động lưu thông hàng hóa nội địa và quốc tế.

Tiếp tục chủ động lựa chọn, kết nối với các sở ngành, UBND cấp huyện để lập danh sách, đưa các sản phẩm nông sản chủ lực, đặc trưng vào hệ thống bán lẻ hiện đại nhằm tạo điều kiện cho người tiêu dùng được tiếp cận với thực phẩm sạch và hỗ trợ nâng cao thu nhập cho người dân.

Trên đây là báo cáo đánh giá kết quả đạt được trong thực hiện phát triển kinh tế - xã hội 5 năm giai đoạn 2016-2020 và xây dựng kế hoạch phát triển ngành Công Thương giai đoạn 2021-2025 của Sở Công Thương Bắc Giang./.

Nơi nhận:

- Như kg;
- Lưu: VT, KHTCTH.

Bản điện tử:

- Lãnh đạo Sở;
- HoanTRH@moit.gov.vn;
- phuongnt_sct.

GIÁM ĐỐC

Trần Quang Tấn